

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Địa ốc Đà Lạt

Ngày 30/09/2025	18,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	-

DT thuần Q3/25
3.62
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.43 65.4%
YoY: ▲ 0.96 36.2%

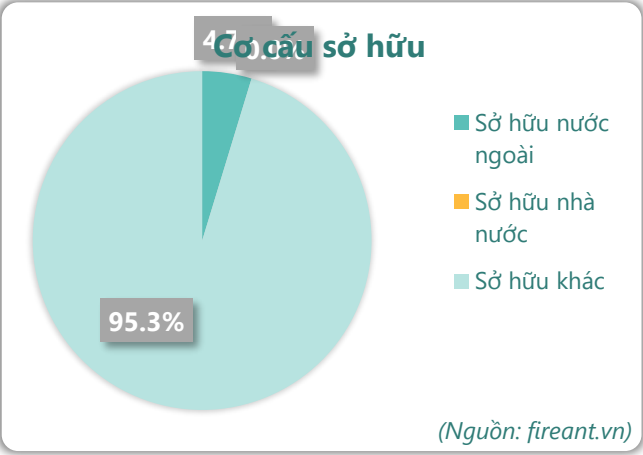
LN thuần Q3/25
1.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.57 276%
YoY: ▲ 1.69 245%

LN sau thuế Q3/25
1.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.10 284%
YoY: ▲ 2.30 245%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
49.0%
YoY: +/- ▲ 63.0%

ROE (TTM) Q3/25
-102%
YoY: +/- ▼ 21.3%

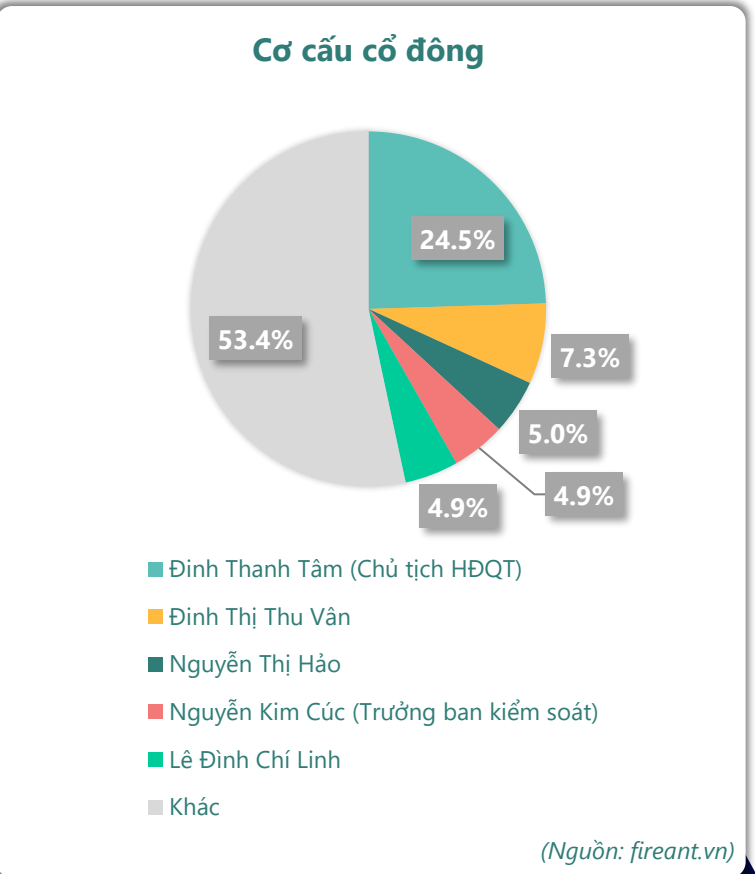
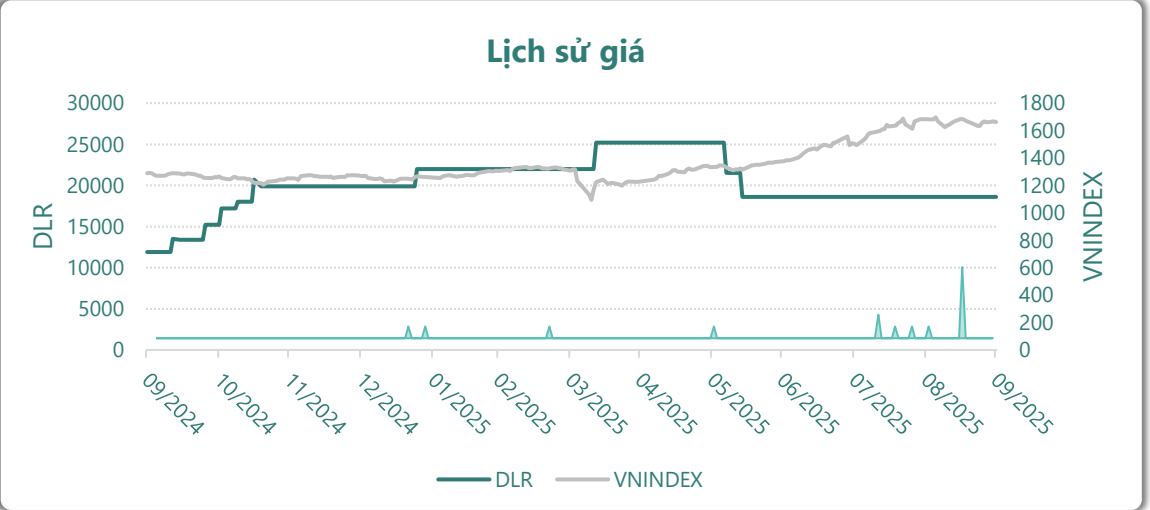
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,900 - 25,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	84
Số lượng CPLH (CP)	4,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	4.7%
Beta	0.08
EPS	2,622
P/E	7.1



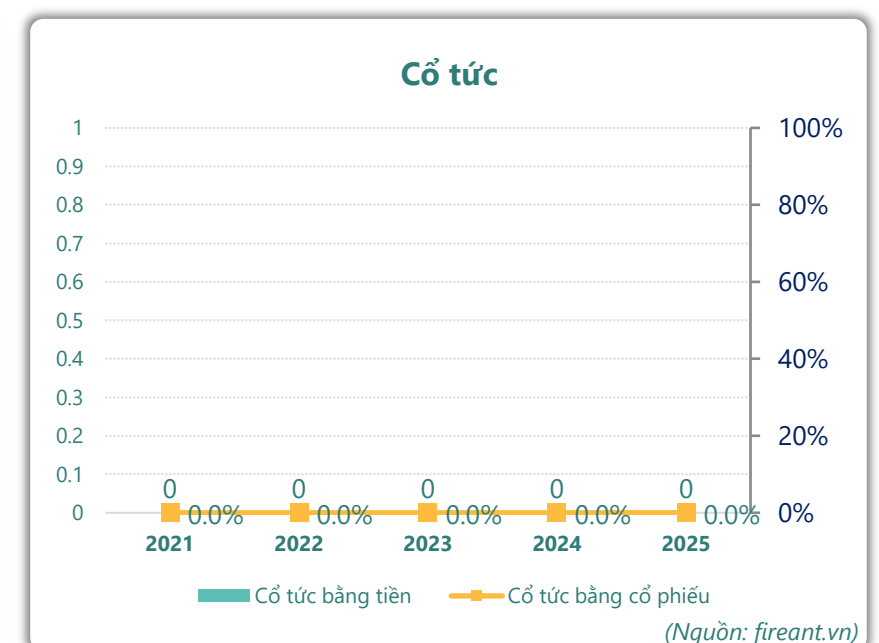
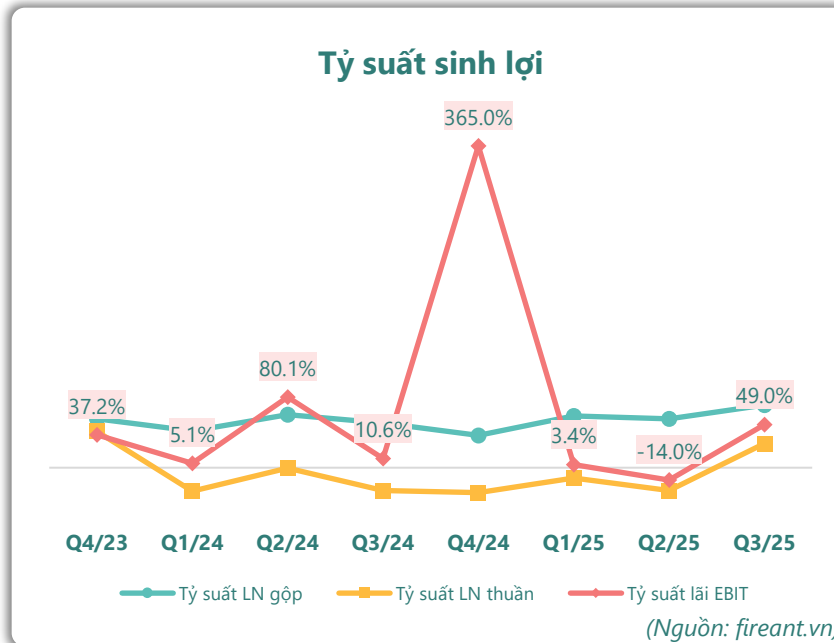
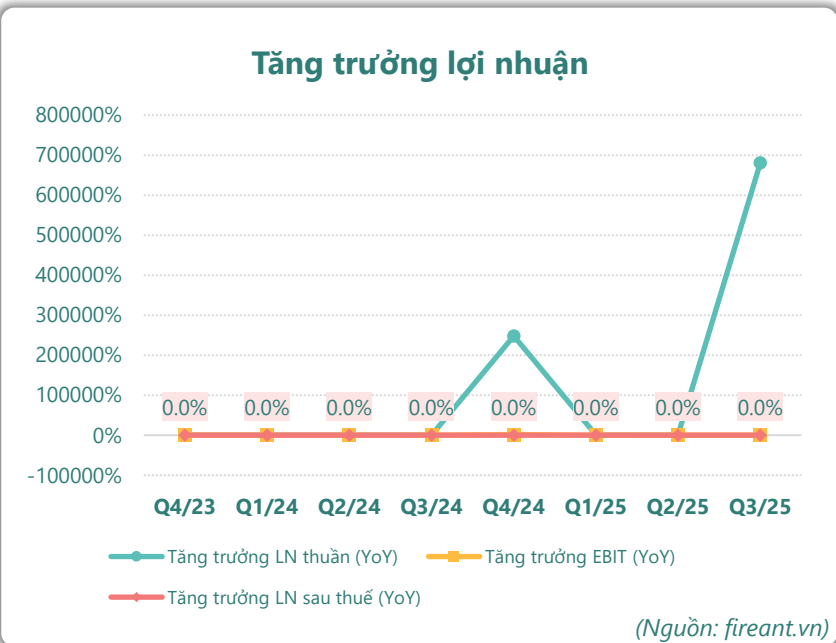
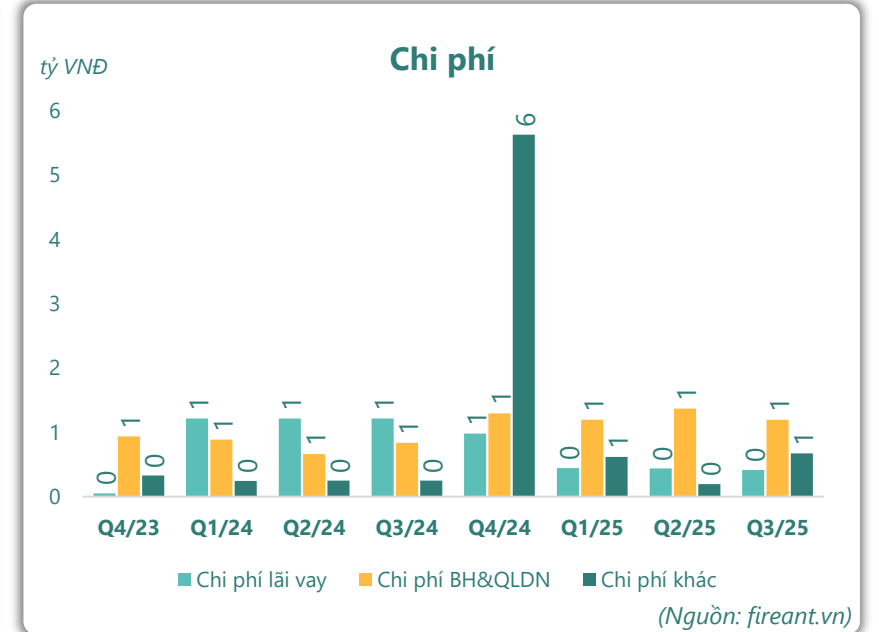
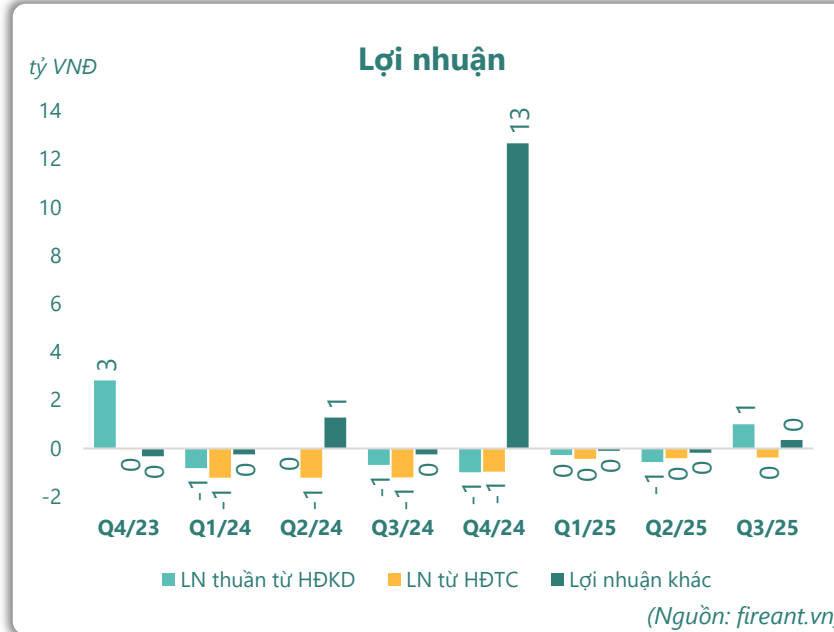
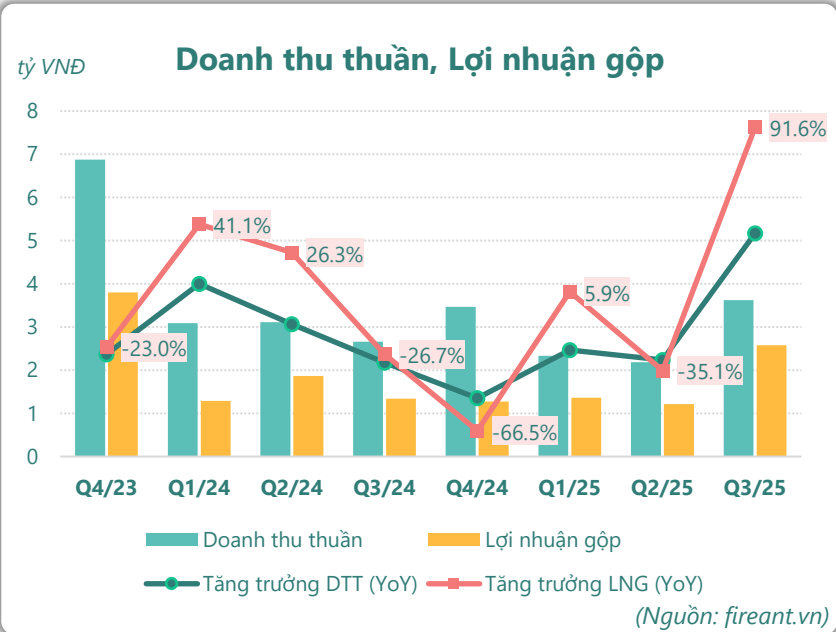
DT thuần 9T 2025
8.14
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.71 -8.0%

LN thuần 9T 2025
0.16
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.68 111%

LN sau thuế 9T 2025
0.25
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.98 134%



KẾT QUẢ KINH DOANH

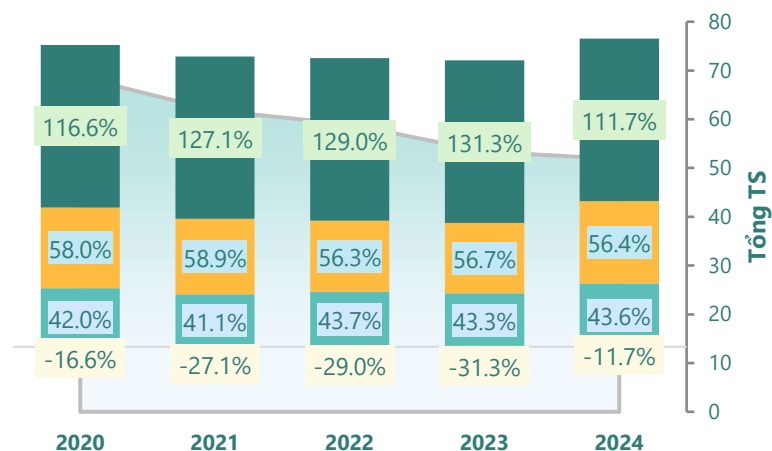




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

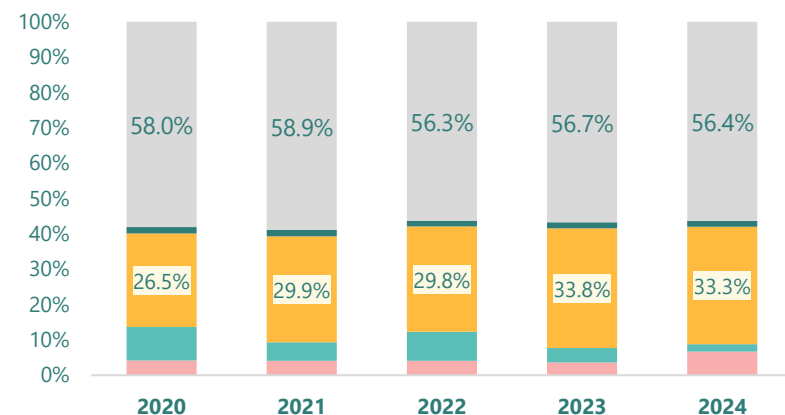
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

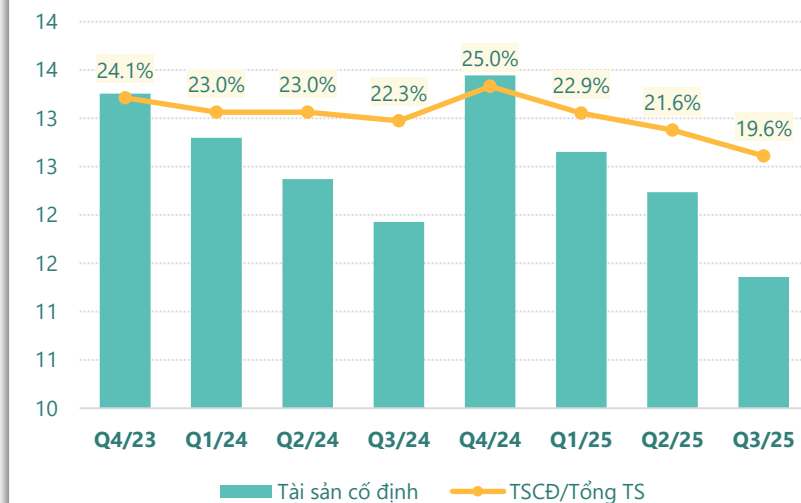
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

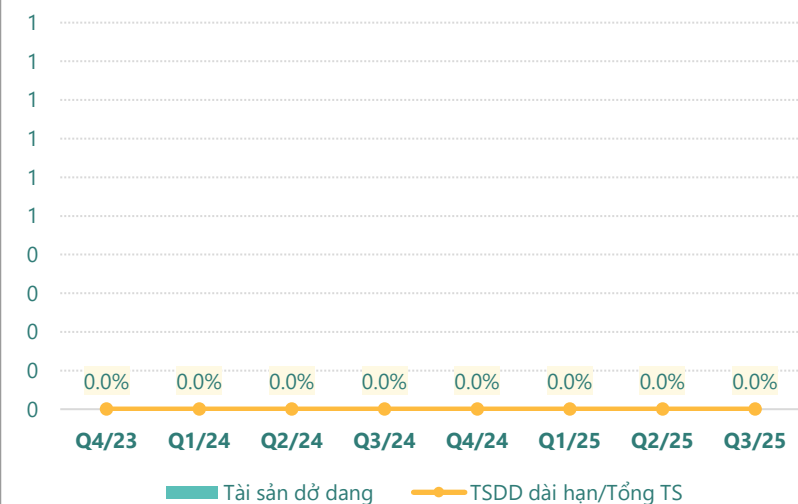
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

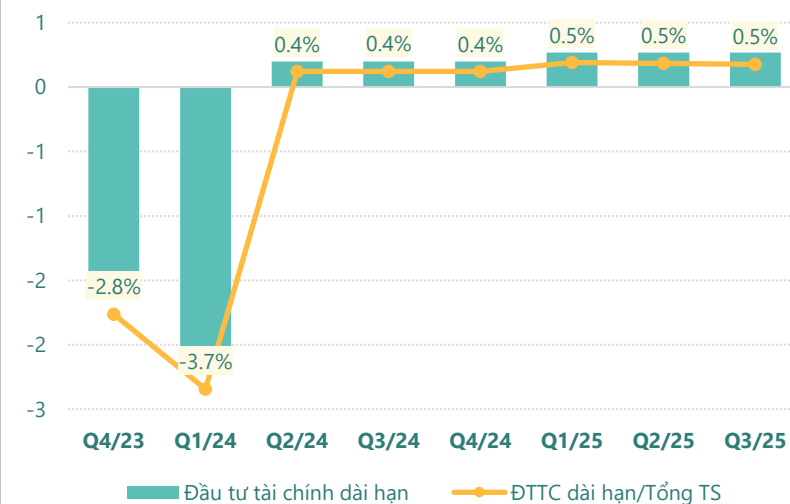
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

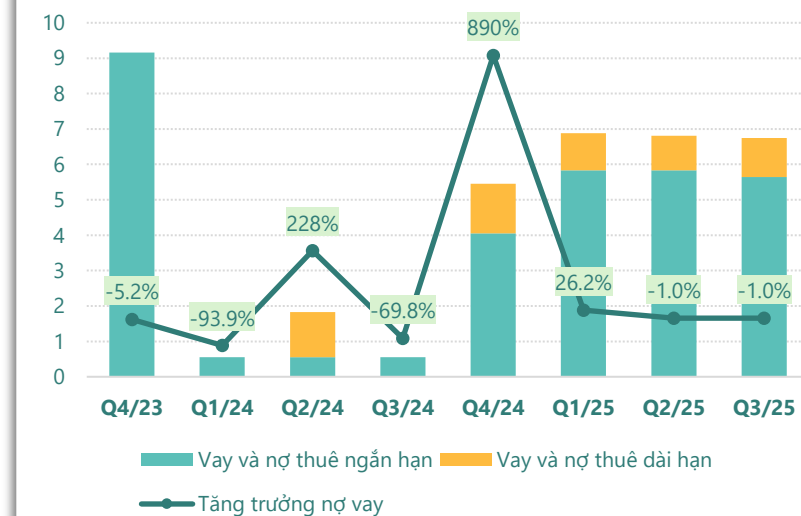
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

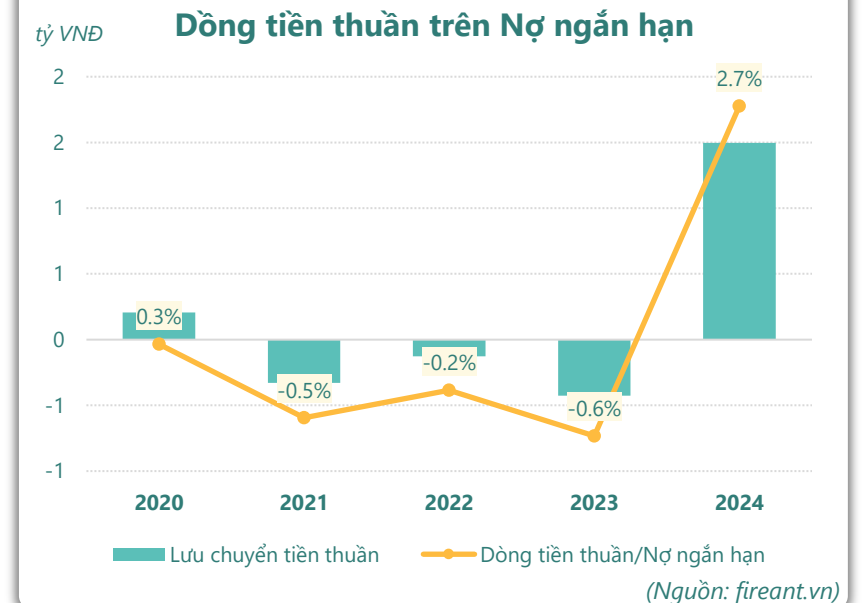
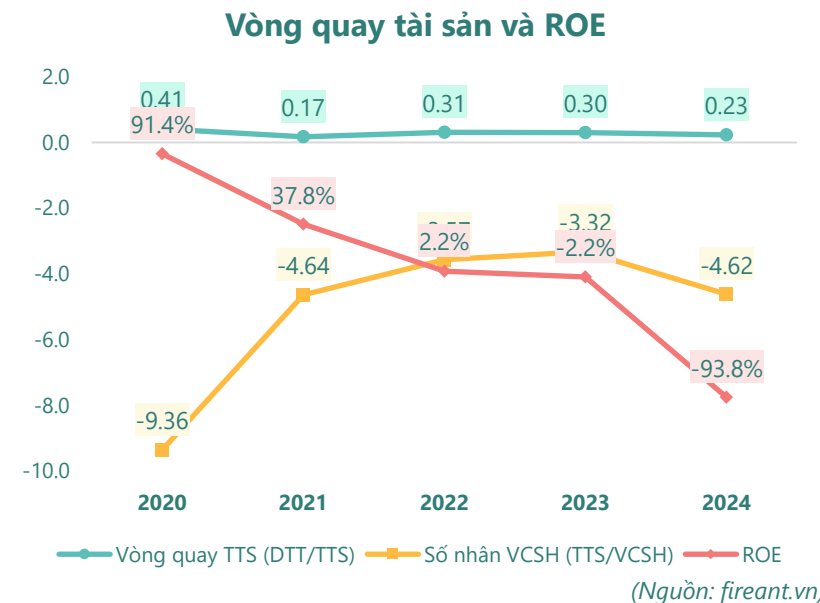
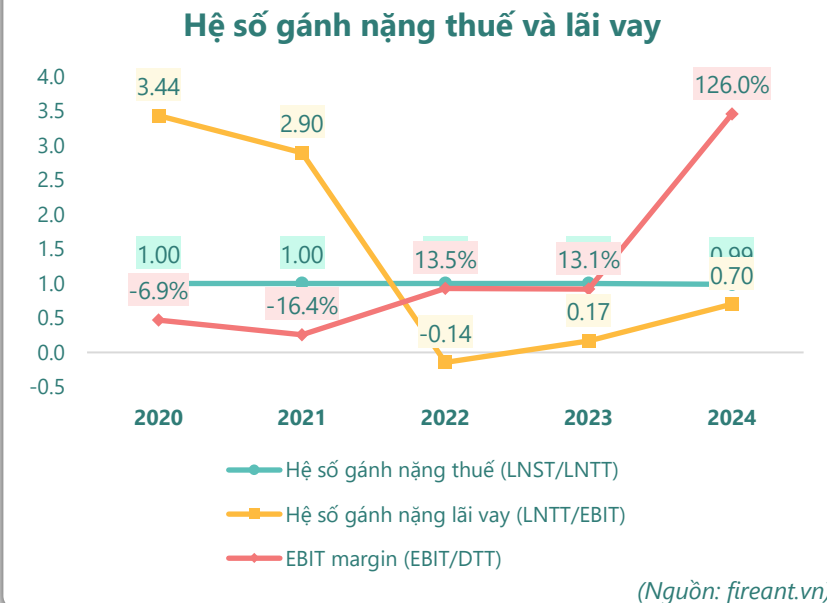
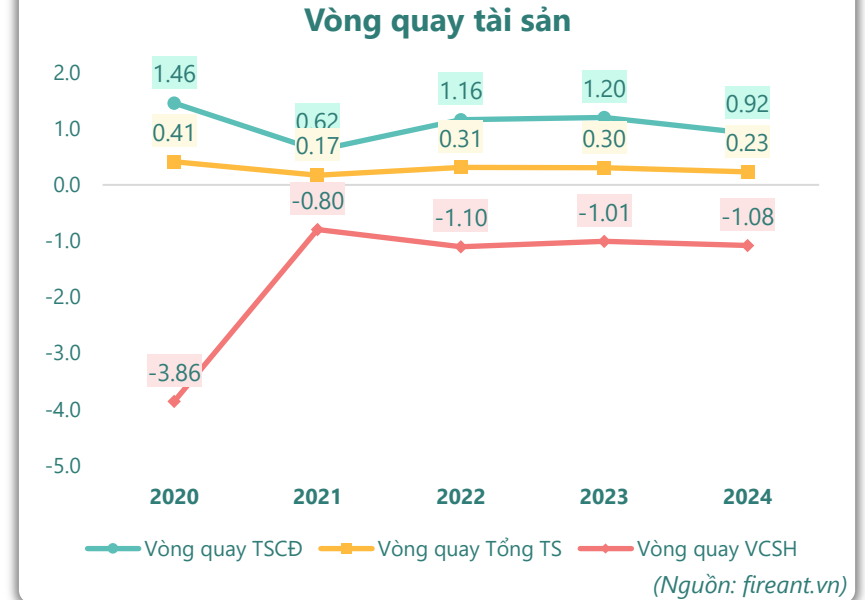
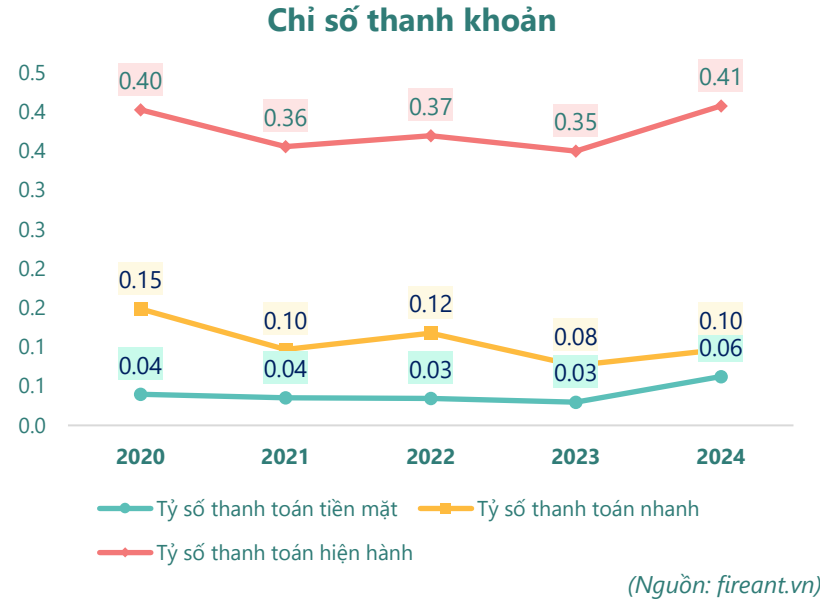
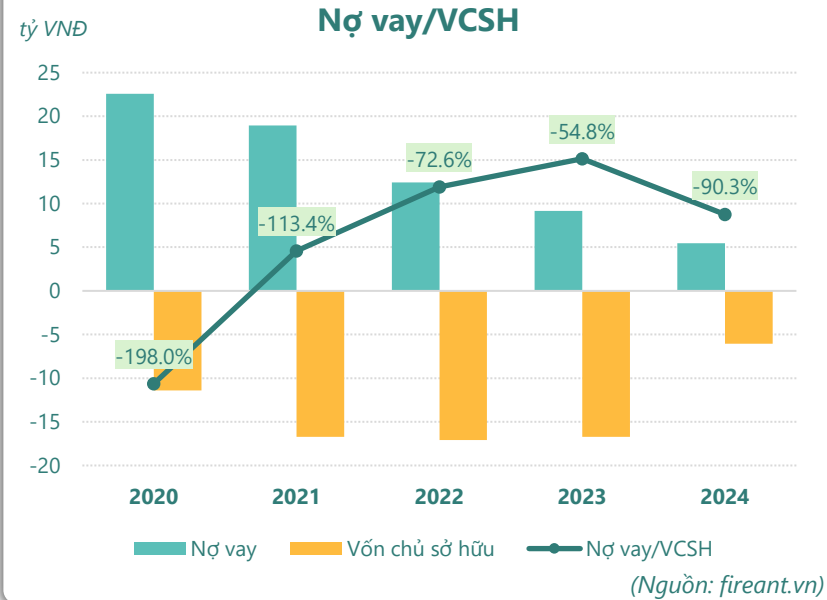
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3.62	2.66	36.2%	8.14	8.85	-8.0%
Giá vốn hàng bán	1.05	1.31	-19.9%	2.99	4.35	-31.3%
Lợi nhuận gộp	2.57	1.34	92.1%	5.15	4.50	14.4%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.02	104%	0.08	0.03	205%
Chi phí TC	0.42	1.22	-65.9%	1.30	3.65	-64.4%
Chi phí lãi vay	0.42	1.22	-65.9%	1.30	3.65	-64.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.20	0.84	42.7%	3.76	2.39	57.3%
LN thuần từ HĐKD	1.00	-0.69	245%	0.16	-1.52	111%
Lợi nhuận khác	0.36	-0.25	243%	0.08	0.79	-89.3%
LN trước thuế	1.36	-0.94	245%	0.25	-0.73	134%
Lợi nhuận sau thuế	1.36	-0.94	245%	0.25	-0.73	134%
LNST của CĐ cty mẹ	1.36	-0.94	245%	0.25	-0.73	134%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.87	-0.33	-2.15	0.39	-0.37	3.30
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.03	0.02	-0.70	0.01	0.03	0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	0	4.90	1.43	-0.07	-0.07
Tiền đầu kỳ	4.60	1.70	1.39	3.45	5.29	4.87
Lưu chuyển tiền thuần	-2.90	-0.30	2.05	1.83	-0.42	3.27
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.70	1.39	3.45	5.29	4.87	7.90

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	58.0	51.8	12.0%
Tài sản ngắn hạn	31.5	22.6	39.7%
Tiền và tương đương tiền	7.90	3.45	129%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.50	0	
Phải thu ngắn hạn	4.69	1.08	333%
Hàng tồn kho	17.6	17.2	2.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.87	0.83	4.4%
Tài sản dài hạn	26.4	29.2	-9.4%
Phải thu dài hạn	0.00	0.00	0.0%
Tài sản cố định	11.4	13.4	-15.4%
Bất động sản đầu tư	14.7	15.3	-4.1%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.27	0.27	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.11	0.19	-38.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	63.8	57.8	10.3%
Nợ ngắn hạn	59.9	55.4	8.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.64	4.33	30.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	14.4	13.3	7.7%
Nợ dài hạn	3.91	2.41	62.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.10	1.12	-2.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-5.79	-6.04	4.1%
Vốn chủ sở hữu	-5.79	-6.04	4.1%
Vốn điều lệ	45.0	45.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

